TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2024/ HS-ST
Ngày: 28/6/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và ông Quách Đình Hoằng;
- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Lê Thị Nhớ;
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*:** Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2024/TLST- HS, ngày 17 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-HS ngày 20/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐHPT-TA, ngày 07/6/2024 đối với bị cáo: Từ Ngọc V (tên gọi khác không), sinh ngày 01/12/1980, tại Đ. Nơi đăng ký thường trú: Tổ G, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: 8 T, tổ G, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Phật giáo; con ông: Từ V, sinh năm 1955 và bà: Lê Thị Q, sinh năm 1955; bị cáo có vợ là Cù Thị Bích D, sinh năm 1979 (đã ly hôn); con: 02 con (sinh năm 2007 và sinh năm 2009);

Về nhân thân:

Ngày 20/01/2010, bị Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 23 tháng 21 ngày, về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009); tại Bản án số 27/HSST. Ngày 04/4/2011, bị Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 12 tháng tù, về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009); tại Bản án số 60/HSST. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 27/HSST ngày 20/01/2010 của Toà án nhân dân thành phố Pleiku, buộc Từ Ngọc V chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 23 (hai mươi ba) tháng, 21 (hai mươi mốt) ngày. Chấp hành án tại Trại giam G; ngày 16/8/2012, chấp hành xong hình phạt. Lần bị kết án này, Từ Ngọc V1 đã được xoá án tích.

Về tiền án bị cáo V1 có 03 tiền án:

-Ngày 09/9/2015, bị Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 15 (mười lăm) tháng tù, về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009); tại Bản án số 114/HSST. Chấp hành án tại Trại giam G; ngày 25/8/2016, chấp hành xong hình phạt. Lần bị kết án này, Từ N chưa được xoá án tích.
-Ngày 28/9/2020, bị Toà án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử, tuyên phạt 02 (hai) năm tù, về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự); tại Bản án số 84/HSST.
-Ngày 23/4/2021, bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử, tuyên phạt 02 (hai) năm tù, về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự); tại Bản án số 84/HSPT. Tổng hợp với Bản án số 84 ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, buộc Từ Ngọc V1 chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 04 (bốn) năm tù. Chấp hành án tại Trại giam S1, tỉnh Bình Thuận; ngày 01/9/2023, chấp hành xong hình phạt. Các lần bị kết án này, Từ N chưa được xoá án tích.
Tiền sự: Không.
Bị cáo Từ Ngọc V1 bị tạm giữ từ ngày 26/12/2023 đến ngày 04/01/2024; sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Hẻm S đường N, thôn Đ, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Thái Hoàng S, sinh năm 1983. Địa chỉ: A H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

+ Ông Từ Văn L1, sinh năm 1955. Địa chỉ: 8 T, tổ G, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Từ Ngọc V1 là người đã bị kết án về tội: *"Trộm cắp tài sản"* chưa được xoá án tích. Do không có nghề nghiệp ổn định và cần có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo V1 nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Vào khoảng 08 giờ ngày 21/12/2023, bị cáo V1 điều khiển xe máy biển số 81AA-1836 đi dạo ở khu vực xã B, thành phố P để tìm kiếm cơ hội trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà chị Đỗ Thị L (sinh năm 1988, ở hẻm S đường N, Thôn Đ, xã B, thành phố P) thì phát nhà chị L cửa cổng không khoá nên bị cáo V1 dừng xe ngoài cổng, đột nhập vào phòng khách, thấy chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung A12 và túi xách để trên bàn nên bị cáo V1 lấy điện thoại và lục tìm trong túi xách được 800.000 đồng tiền Ngân hàng N1; bị cáo V1 chiếm đoạt điện thoại và số tiền trên, rồi tẩu

thoát. Sáng ngày 22/12/2023, bị cáo V1 đem điện thoại trộm cắp được đến tiệm Đ ở số A đường H, thành phố P bán cho anh Thái Hoàng S (sinh năm 1983 – là chủ tiệm) được 1.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên, bị cáo V1 tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị kẻ gian đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản, chị Đỗ Thị L đến Công an xã B trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Công an xã B đã tiến hành ghi nhận hiện trường và thu giữ 01 đoạn Clip được trích xuất từ Camera quan sát, ghi lại hình ảnh đối tượng đột nhập vào nhà chị L. Ngày 22/12/2023, Công an xã B chuyển hồ sơ vụ việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để điều tra, xác minh theo thẩm quyền. Đến 09 giờ ngày 26/12/2023, Từ Ngọc V1 đến Công an phường D đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Qua định giá, xác định: Chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung A12 do Từ Ngọc V1 chiếm đoạt vào ngày 21/12/2023 có trị giá 1.300.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 101/CT-VKS, ngày 16/4/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố PleiKu đã truy tố bị cáo Từ Ngọc V1 về tội: *"Trộm cắp tài sản",* theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Từ Ngọc V1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo mà bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 50; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Từ Ngọc V1 từ: 02(hai) năm đến 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù, về tội *" Trộm cắp tài sản".*

Bị cáo Từ Ngọc V1 không có tài sản riêng, vì vậy đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

- Về dân sự: Qua tác động của bị cáo Từ Ngọc V1, ông Từ Văn L1 (là cha của bị cáo V1) đã bồi thường cho bị hại chị Đỗ Thị L số tiền 2.000.000 đồng. Hiện bị hại L không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự. Ông L1 cũng không có ý kiến gì về số tiền 2.000.000đồng đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại L.

- Về vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra đã được xử lý kèm theo hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Bị cáo Từ N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Bị cáo Từ Ngọc V1 đã nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét sự vắng mặt của người bị hại chị Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Hoàng S, tất cả có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Từ Ngọc V1 tại phiên toà phù hợp với lời khai người bị hại; kết luận định giá; biên bản về người phạm tội ra "Đầu thú" và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 08 giờ 12 phút ngày 21/12/2023, tại nhà chị Đỗ Thị L (sinh năm 1988, ở hẻm S đường N, Thôn Đ, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai), bị cáo Từ Ngọc V1 đã lén lút đột nhập vào phòng khách để chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Sam sung A12, trị giá 1.300.000 đồng và 800.000 đồng tiền Ngân hàng N1.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo Từ Ngọc V1 thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội, đã phạm vào tội: *"Trộm cắp tài sản"*. Bị cáo V1 đã *"Tái phạm"* Vì: Bản án số 84/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, chưa được xoá án tích mà bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng *"Tái phạm nguy hiểm"*, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật;

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật".

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn, xảo quyệt;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Tài sản là bảo vật quốc gia;

***g) Tái phạm nguy hiểm**".*

Đối với bị cáo Từ Ngọc V1 là người có sức khỏe nhưng vì chây lười lao động, tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả; hơn nữa bị cáo còn có nhân thân xấu, sau khi chấp hành xong hình phạt tù của những bản án trước đây thì bản chất bị cáo vẫn không thay đổi, nên khi nhìn thấy sự sơ hở, mất cảnh giác của người dân mà bị cáo đã cơ hội đột nhập để thực hiện trộm cắp tài sản. Đối với bị hại khi có được tài sản, họ đều phải dựa trên sức lao động và sự tích lũy mới có được, nhưng khi bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại mục đích chỉ để chi tiêu cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, bị cáo đã gây hoang mang bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian dài nhằm giáo dục, cải tạo trở thành người tốt, biết tôn trọng pháp luật, lao động chân chính và nhằm trấn an dư luận, cho nhân dân yên tâm làm ăn, sinh sống, mặt khác là để răn đe cho những ai đang và có ý định xem thường pháp luật.

Tuy nhiên, sau phạm tội bị cáo đã ra " Đầu thú" và "Thành khẩn khai báo" về toàn bộ hành vi trộm cắp, bị cáo "ăn năn hối cải" là tác động gia đình để bồi thường cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, phấn đấu trở thành một công dân tốt cho xã hội.

Đối với đoạn Clip được trích xuất từ Camera quan sát, ghi lại hình ảnh đối tượng đột nhập vào nhà bị hại L ngày 21/12/2023, được lưu vào đĩa CD-R, Cơ quan điều tra lưu vào hồ sơ vụ án.

[3]. Bị cáo Từ Ngọc V1 không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền.

[4]. Đối với anh Thái Hoàng S là người đã mua điện thoại di động hiệu Sam sung A12, do bị cáo Từ Ngọc V1 chiếm đoạt mà có. Tuy nhiên, khi mua

điện thoại thì anh S không biết đó là tài sản do bị cáo V1 chiếm đoạt mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh S về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có cơ sở.

[5]. Đối với chiếc xe máy biển số 81AA-1836, qua điều tra xác định: Chủ sở hữu là ông Từ Văn L1 (sinh năm 1955, trú tại Tổ G, phường D, thành phố P), là cha ruột của Từ Ngọc V1. Ông L1 đã cho V1 mượn xe trên để làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo V1 dùng xe máy trên để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì ông L1 không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ là có cơ sở.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung A12, sau khi mua của bị cáo Từ Ngọc V1, anh Thái Hoàng S đã bán lại cho khách hàng (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đỗ Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai đã nhận được tiền bồi thường từ gia đình bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm; ông Từ Văn L1 không có ý kiến gì đối với số tiền 2.000.000đồng ông đã bồi thường cho bị hại. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập phần trách nhiệm nhiệm dân sự trong phần quyết định.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Từ Ngọc V1 phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 và các Điều 38; 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Từ Ngọc V1 02(H) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (26/12/2023).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)* và Danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Từ Ngọc V1 phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

-Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo Từ Ngọc V1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Văn L1 có quyền háng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (28/6/2024) để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bà Đỗ Thị L và ông Thái Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND TP PleiKu;*
- *Công an TP PleiKu;*
- *Nhà tạm giữ Công an TP Pleiku;*
- *Chi cục THA D.S TP Pleiku;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Bị cáo;*
-*Lưu HS/HS.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngà